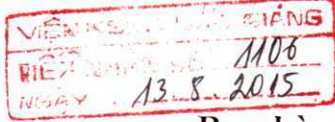


**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 325/2015/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 07 tháng 8 năm 2015



**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định mức hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng  
tự nhiên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 80/2013/TTLT-BTC-BNN ngày 14 tháng 6 năm 2013 của liên bộ: Tài chính - Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2015/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 7 năm 2015 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định mức hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 67/TTr-SNN ngày 15 tháng 6 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020.

**Điều 2.** Giao cho Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ kế hoạch bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên hàng năm cân đối nguồn vốn ngân sách của tỉnh đảm bảo cho thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và thay thế Quyết định số 519/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định mức hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2012-2016.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:** 

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản- Bộ tư Pháp;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND ( b/c);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- VP Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Công báo Bắc Giang;
- VP UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KT, MT, TN;
  - + Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lại Thanh Sơn**



**QUY ĐỊNH**

**Mức hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên  
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 325/2015/QĐ-UBND  
ngày 07 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục tiêu**

Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020 nhằm quản lý, sử dụng có hiệu quả và bền vững rừng tự nhiên; nâng cao vai trò trách nhiệm của chủ rừng và chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định điều kiện, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo và chưa đủ điều kiện khai thác hưởng lợi theo quy định.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư thôn; các tổ chức nhà nước (doanh nghiệp lâm nghiệp nhà nước, ban quản lý rừng) được Nhà nước giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo chưa đủ điều kiện khai thác hưởng lợi để quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

b) Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Hạt Kiểm lâm các huyện có rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

3. Các đối tượng không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này bao gồm:

a) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn quản lý diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên đang tham gia và nhận kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng từ các chương trình, dự án của Nhà nước hoặc của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

b) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn đang quản lý, sử dụng diện tích rừng Dẻ đã cho thu hoạch; diện tích rừng tự nhiên nghèo kiệt thuộc đối tượng đưa vào cải tạo rừng; diện tích rừng cho các tổ chức ngoài quốc doanh thuê rừng.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Điều kiện để được hỗ trợ**

1. Diện tích rừng được hỗ trợ bảo vệ phải có hồ sơ thiết kế, dự toán được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.
2. Phải thực hiện ký kết hợp đồng khoán bảo vệ rừng giữa tổ chức Nhà nước được giao vốn với bên nhận khoán.

#### **Điều 4. Mức hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên**

1. Hỗ trợ 200.000 đồng/ha/năm cho việc bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên đối với chủ rừng là: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, các tổ chức nhà nước được giao quản lý rừng sản xuất là rừng tự nhiên.
2. Hỗ trợ 20.000 đồng/ha cho chi phí thiết kế, dự toán bảo vệ rừng năm đầu và được tính ngoài mức hỗ trợ bảo vệ rừng quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Hỗ trợ chi phí quản lý bằng 6% tổng vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho bảo vệ rừng, trong đó: Chi cục Kiểm lâm tỉnh 1%, Hạt kiểm lâm huyện và tổ chức nhà nước được giao quản lý rừng sản xuất là rừng tự nhiên 5%. Việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý thực hiện theo quy định hiện hành.
4. Trong thời gian thực hiện, nếu có sự thay đổi chính sách của Trung ương cho hỗ trợ bảo vệ rừng quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí hỗ trợ**

Do Ngân sách tỉnh bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của chủ rừng**

Thực hiện theo Điều 30, Điều 59, Điều 60, Điều 64, Điều 66, Điều 70, Luật bảo vệ và phát triển rừng và các quy định hiện hành có liên quan.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Trách nhiệm của các ngành**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
  - a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ cho công tác bảo vệ rừng giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
  - b) Hàng năm, phối hợp với Sở Tài chính, Sở kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ đầu tư bảo vệ rừng báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định.



c) Căn cứ dự toán ngân sách năm được cấp thẩm quyền giao, thực hiện phân bổ kế hoạch cho chủ rừng là các tổ chức nhà nước và Hạt kiểm lâm huyện để tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ mức hỗ trợ đầu tư bảo vệ rừng đã được quy định, phân bổ chi tiết các hạng mục chi phí để làm cơ sở lập hồ sơ thiết kế, dự toán.

e) Phối hợp với UBND các huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai quy định này đến người dân; chỉ đạo, hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn kỹ thuật, về quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với chủ đầu tư và người dân được hưởng theo quy định.

## 2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ bảo vệ rừng giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

b) Hàng năm chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ đầu tư bảo vệ rừng báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định.

3. Sở kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, và các Sở, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện Quy định này.

## **Điều 8. Trách nhiệm của UBND các huyện**

1. UBND các huyện phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Quy định này; đồng thời chỉ đạo đôn đốc, kiểm tra các đơn vị trực thuộc và các hộ gia đình được hỗ trợ bảo vệ rừng.

2. UBND các xã, trưởng thôn, bản có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quy định này đến người dân ở địa phương và phối hợp với chủ đầu tư nghiệm thu thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

## **Điều 9. Trách nhiệm của Hạt Kiểm lâm cấp huyện và tổ chức Nhà nước được giao quản lý rừng sản xuất là rừng tự nhiên**

1. Trực tiếp triển khai và phối hợp với UBND các xã phổ biến, tuyên truyền Quy định này đến với các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên trên địa bàn.

2. Hàng năm, xây dựng kế hoạch, tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch; nhận kinh phí, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà nước đúng quy định, đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ.

3. Lập hồ sơ thiết kế, dự toán bảo vệ rừng trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

4. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật về công tác bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn tham gia nhận hỗ trợ.

5. Thực hiện ký kết hợp đồng và tổ chức nghiệm thu kết quả bảo vệ rừng đến từng hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn trên địa bàn và thực hiện việc chi trả tiền hỗ trợ của ngân sách theo kết quả nghiệm thu đó.

Trong quá trình thực hiện có gì khó khăn vướng mắc đề nghị các ngành, UBND các huyện, các đơn vị báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN   
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Thanh Sơn